

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 28-6-2022

Tranh chấp “Xin Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm thụ lý số: 05/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022; về việc tranh chấp “Xin Ly hôn” .

Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 72/2022/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện PT, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Thanh L, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp 1, xã HL, huyện PT, tỉnh An Giang; (có mặt)

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc Ch thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang; (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp 3, xã HL, huyện PT, tỉnh An Giang; (có mặt)

Vụ án do có kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L1;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2021 và lời khai nguyên đơn trình bày: Ông L và bà Nguyễn Thị L1 tự nguyện kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện PT, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng tính tình không còn phù hợp nhau, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, ông L có nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng được Tòa án động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng về chung sống lại, nhưng đến nay vợ chồng không hàn gắn được; mục đích hôn nhân không đạt được; tình cảm vợ chồng không còn, chung sống không hạnh phúc, ly thân từ đầu tháng 12/2020 đến nay; ông L yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị L1.

Ông L và bà L1 có 02 con chung Ngô Thanh H, sinh ngày 03/4/2014 và Ngô Thanh H1, sinh ngày 04/6/2019, ông L đồng ý giao bà L1 được tiếp tục nuôi 02 con chung, ông đồng ý cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Ông L và bà L1 có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Bà thống nhất với ông L về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn và có 02 con chung như ông L trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, bà phát hiện ông L có lỗi sống không chung thủy, có người phụ nữ khác bên ngoài, chứng cứ là hình ảnh của ông L đăng trên mạng xã hội chụp chung với người phụ nữ khác. Bà và gia đình nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được, sau đó ông L nộp đơn yêu cầu ly hôn và được Tòa án động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng về chung sống lại, nhưng đến nay vợ chồng không hàn gắn được. Bà vì lo cho con nên về nhà cha mẹ ruột sinh sống làm ăn để nuôi con. Bà còn thương chồng, thương con, bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông L.

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, ông L phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 8.000.000 đồng; tài sản chung vợ chồng có 01 căn nhà, bà xin được trọn quyền sở hữu; nợ chung không có.

Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số:72/2022/HNGĐ-ST ngày 02/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện PT đã xử:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56,

Căn cứ Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Thanh L.

Ông Ngô Thanh L được ly hôn bà Nguyễn Thị L1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 38 ngày 03/3/2012 do Ủy ban nhân dân xã HL cấp cho ông L và bà L1 không còn giá trị pháp lý.

Ông L và bà L1 có 02 con chung Ngô Thanh H, sinh ngày 03/4/2014 và Ngô Thanh H1, sinh ngày 04/6/2019 giao bà L1 được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi đứa con chung từ tháng 03/2022 cho đến khi con chung trưởng thành và lao động được.

Bà L1 và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông L đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này; việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

Ông L, bà L1 không yêu cầu chia tài sản chung nên không giải quyết; nợ chung không có. Ông L, bà L1 có quyền khởi kiện một vụ án khác chia tài sản chung vợ chồng nếu có yêu cầu.

Ông L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003943 ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT. Ông L còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 07/3/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Ngô Thanh L;

Diễn biến tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn; bà L1 giữ nguyên nội dung kháng cáo không chấp nhận ly hôn; lý do còn quá yêu thương chồng, không thể thiếu vắng ông L được, ông L kiên quyết xin ly hôn; Hội đồng xét xử cố gắng động viên hàn gắn nhưng không thành;

Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn phát biểu ý kiến: Trước đây ông L có đơn xin ly hôn, nhưng do hai bên có thỏa thuận, cam kết thời gian 01 năm để hàn gắn mà vẫn không được; hai bên cũng không có đưa ra giải pháp gì để hàn gắn, chung sống với nhau; bà L1 nhiều lần có làm đơn gửi đến nơi đơn vị của ông L, làm ảnh hưởng uy tín, danh dự của ông L; thấy rằng, tình cảm của hai bên trầm trọng, kéo dài từ năm 2020 đến nay; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L1; giữ y án sơ thẩm;

Bị đơn có ý kiến: Tôi không chấp nhận việc chồng tôi có người phụ nữ khác mà bỏ tôi, vì tôi rất yêu thương chồng, con; mong Hội đồng xét xử xem xét, không đồng ý cho ông L ly hôn với tôi;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của các đương sự, thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân trầm trọng, không thể hàn gắn và chung sống với nhau được; nên cấp sơ thẩm cho ly hôn là có cơ sở; về con chung; tài sản chung các đương sự không kháng cáo, không yêu cầu nên không xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bà Luyến, giữ nguyên án sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 nộp đơn kháng cáo, đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

[2] Về tố tụng: Các đương sự được triệu tập hợp lệ và có mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ Luật tố tụng Dân sự xét xử theo thủ tục chung;

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L1 cùng chứng cứ, lời khai của các đương sự;

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà L1 kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 03/3/2012 do Ủy ban nhân dân xã HL cấp, hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; ông L cho rằng vợ chồng tính tình không còn phù hợp nhau, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà L1 tố cáo ông không chung thủy đã làm ảnh hưởng đến uy tín của ông, vợ chồng sống chung cha mẹ ruột ông nhưng bà L1 có cách cư xử không phù hợp với gia đình ông, vợ chồng ly thân từ tháng 12/2020 đến nay, không thể đoàn tụ;

[3.2] Ông L làm đơn khởi kiện xin ly hôn và đã được cấp sơ thẩm thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2021; nhưng sau đó ngày 04/3/2021 giữa ông L và bà L1 tự thỏa thuận, cam kết từ ngày 04/3/2021 đến ngày 04/3/2022; trong khoảng thời gian 01 năm hai người sẽ tự hàn gắn với nhau; nên ông L rút đơn khởi kiện xin ly hôn; cấp sơ thẩm ra Quyết định số 68/QĐ-ST-HNGĐ ngày 05/3/2021 về việc đình chỉ giải quyết vụ án; Sau một năm tự thỏa thuận hàn gắn, nhưng vẫn không đạt được; ông L tiếp tục làm đơn xin ly hôn với bà L1 lần hai;

[3.3] Đoàn Biên phòng V thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang có Công văn ngày 25/01/2022 cho biết: Bà L1 gửi đơn tố cáo ông L đến Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang, qua xác minh của đơn vị thì chưa có bằng chứng để chứng minh ông L quan hệ bất chính với cô gái khác; nên lý do bà L1 cho rằng ông L có người phụ nữ khác, không còn chung thủy với bà L1 là chưa có cơ sở;

[3.4] Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình và vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau,..”; nhưng ông L, bà L1 không thực hiện, mục đích của hôn nhân không đạt được; cho thấy tình trạng hôn nhân của ông L, bà L1 mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài nhiều năm không thể hàn gắn với nhau được; nên cấp sơ thẩm cho ly hôn là có cơ sở;

[4] Về con chung: Ông L và bà L1 có 02 con chung Ngô Thanh H, sinh ngày 03/4/2014 và Ngô Thanh H1, sinh ngày 04/6/2019 thống nhất khi ly hôn ông L giao hai con cho bà L1 tiếp tục nuôi dưỡng. Ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng từ tháng 3/2022 đến khi con chung thành niên và lao động được, là phù hợp pháp luật; sau khi xét xử không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết các đương sự không yêu cầu xem xét, nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét; nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung được giải quyết bằng vụ án khác;

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L1 không cung cấp chứng cứ nào khác cho yêu cầu kháng cáo của mình; nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét; cần giữ y án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Luyên; Viện kiểm sát đề nghị y án là đồng quan điểm với Hội đồng xét xử;

[7] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà L1 không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí hôn nhân phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều Điều 56, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L1;

Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 72/2022/HNGĐ-ST ngày 02/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện PT đã xử;

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Ngô Thanh L;

[1] Về hôn nhân: Ông Ngô Thanh L được ly hôn với bà Nguyễn Thị L1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 38 ngày 03/3/2012 do Ủy ban nhân dân xã HL cấp cho ông L và bà L1 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Ông L và bà L1 có 02 con chung Ngô Thanh H, sinh ngày 03/4/2014 và Ngô Thanh H1, sinh ngày 04/6/2019 giao bà L1 được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi đứa con chung từ tháng 03/2022 cho đến khi con chung trưởng thành và lao động được.

Bà L1 và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông Long đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Ông L, bà L1 không yêu cầu chia tài sản chung nên không giải quyết; nợ chung không có; ông L, bà L1 có quyền khởi kiện một vụ án khác chia tài sản chung vợ chồng nếu có yêu cầu.

[4] Án phí sơ thẩm: Ông L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003943 ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT. Ông L còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí.

[5]. Về án phí hôn nhân phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 300.000đ; trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004361 ngày 08/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT (đã thực hiện xong);

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND. AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng (1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đường sự “ Để thi hành ”
- *Lưu: HS.*

Nguyễn Văn Sơn